

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 909 /2020/HNGĐ-PT

Ngày: 22-9-2020

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thủy Tiên

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tuấn

Bà Trần Thị Lệ Uyên

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Phạm Văn Thùy – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Bà Võ Phạm Phương Hạnh – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 94/2020/TLPT-HNGĐ ngày 24/8/2020 về tranh chấp ly hôn.

Do bản án sơ thẩm số 640/2020/HNGĐ-ST ngày 13 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 4831/2020/QĐ-PT ngày 09/9/2020 giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng X, sinh năm 1984.

Địa chỉ: 168/5 B, phường W, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh .

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Phước L, sinh năm 1987.

Địa chỉ: 207/2E K, khu phố T, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người kháng cáo: Nguyên đơn – Bà Nguyễn Thị Hồng X.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng X trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà với ông L tự nguyện đăng ký kết hôn năm 2012, đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường 3, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau, vợ chồng không thể hàn gắn, đoàn tụ gia đình nên yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Phước L.

Về con chung: có 01 con chung là cháu Nguyễn Minh K, sinh ngày 21/6/2012, nay bà X yêu cầu được trực tiếp nuôi con, và không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung; Nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Nguyễn Phước L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân về kết hôn như bà X trình bày là đúng

Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nay ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà X.

Về con chung: có 01 con chung là cháu Nguyễn Minh K, sinh ngày 21/6/2012, hiện nay con đang ở với ông Nguyễn Phước L, bà X yêu cầu được trực tiếp nuôi con thì ông không đồng ý, ông yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu bà X cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung; Nợ chung: Không có

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 640/2020/HNGĐ-ST ngày 13/7/2020 của Tòa án nhân dân Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh đã căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng áp phí và lệ phí tòa án tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Hồng X và ông Nguyễn Phước L.

2. Về con chung: Giao con chung tên là Nguyễn Minh K, sinh ngày 21/6/2012 cho ông Nguyễn Phước L trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Phước L không yêu cầu bà Nguyễn Thị Hồng X cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

Vì lợi ích con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Nợ chung: Không có.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 13/7/2020, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng X kháng cáo yêu cầu được trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Tại phiên Tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng X vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo.

Bị đơn ông Nguyễn Phước L đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các qui định của Bộ luật tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo qui định của pháp luật.

Về hình thức: Đơn kháng cáo của bà X còn trong hạn luật định nên được xem xét.

Về nội dung:

Qua lời trình bày của các đương sự tại phiên Tòa và các chứng cứ có trong hồ sơ nhận thấy ông L và bà X đều có khả năng nuôi con chung tên Nguyễn Minh K, sinh ngày 21/6/2012. Xét thấy, con chung hiện đang sống với ông L và qua xem xét nguyện vọng của cháu K cũng mong muốn được sống với ba. Do đó, để tránh làm xáo trộn cuộc sống của cháu K và nhằm đảm bảo đến lợi ích của con, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 308 không chấp nhận đơn xin kháng cáo của bà X, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng X có đơn kháng cáo yêu cầu được nuôi con chung. Xét đơn kháng cáo của bà X làm trong hạn luật định, hợp lệ nên được chấp nhận.

Căn cứ Điều 293 Bộ luật Tố tụng Dân sự, phạm vi xét xử phúc thẩm chỉ xem xét lại phần của bản án sơ thẩm có kháng cáo, các vấn đề khác không có kháng cáo, kháng nghị, cấp phúc thẩm không xét.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo về việc nuôi con:

Đối với con chung tên Nguyễn Minh K, sinh ngày 21/6/2012, bà Nguyễn Thị Hồng X và ông Nguyễn Phước L đều muốn được trực tiếp nuôi con. Hội

đồng xét xử thấy rằng việc giao con cho ai nuôi đều phải vì lợi ích của trẻ nhằm đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho trẻ sau khi cha mẹ ly hôn.

Căn cứ vào lời trình bày và các chứng cứ có trong hồ sơ nhận thấy do mâu thuẫn gia đình bà X đã rời khỏi nơi cư trú. Hiện cháu K do ông L nuôi dưỡng và đang có cuộc sống ổn định với ông L. Ngoài ra, qua tìm hiểu nguyện vọng của cháu K cũng có mong muốn được sống chung với ông L. Do đó, nhằm tránh làm xáo trộn cuộc sống và thói quen sinh hoạt hằng ngày của cháu K nên thiết nghĩ cần tiếp tục giao cháu Nguyễn Minh K, sinh ngày 21/6/2012 cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông L không yêu cầu bà X cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Từ nhận định trên, nhận thấy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà X, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Tại phiên Tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà X, y án sơ thẩm là có cơ sở.

[4] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét lại.

[5] Về án phí phúc thẩm: do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên đương sự kháng cáo phải nộp án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 293; khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự;

Xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Hồng X.
2. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 640/2020/HNGĐ-ST ngày 13/7/2020 của Tòa án nhân dân Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.1. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng X.

- Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Hồng X và ông Nguyễn Phước L.

- Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Minh K, sinh ngày 21/6/2012 cho ông Nguyễn Phước L trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Phước L không yêu cầu bà Nguyễn Thị Hồng X cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

Vì lợi ích con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có.

2.2 Án phí dân sự sơ thẩm: Là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), bà Nguyễn Thị Hồng X chịu và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0056227 ngày 06/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà X đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) bà Nguyễn Thị Hồng X chịu và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà bà X đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0057503 ngày 29/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà X đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- TAND quận T;
- Chi cục THADS quận T;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Thị Thủy Tiên